

Đề bài:
Phân tích
bài thơ
Nguyệt cầm
của
Xuân Diệu.

Bài làm

Thi ca luôn cần đến cái mộc mạc, tươi rói của một màu phù sa, một thoáng hương đồng để hình tượng thơ có tính chất cảm tính cụ thể. Thơ đòi hỏi ở nhà thơ sự tìm tòi, cảm nhận thực tiễn của cảm quan nhằm đem vào thơ cái vẻ phong phú của cuộc sống và thiên nhiên đầy hương vị, màu sắc, âm thanh. Tuy nhiên, sự “tìm tòi, cảm nhận” của nhà thơ như thế nào là một vấn đề tế nhị và phức tạp, nó phụ thuộc vào tư tưởng, thi pháp thời đại và cá tính sáng tạo của thi nhân. Xuân Diệu nhà thơ tiêu biểu của thơ ca lãng mạn trước Cách mạng tháng Tám trong bài thơ *Nguyệt cảm* đã biểu lộ tâm trạng cô đơn của mình trước vũ trụ qua sự cảm nhận hết sức tinh tế về tiếng đàn sầu nào trong đêm trăng tẻ lạnh.

Bài thơ toát lên một “vẻ lạnh” – cái lạnh thấu suốt và thấm sâu. Nó “nhập” vào hồn người từ những câu thơ đầu:

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh.

“Trăng nhập” – hình như trăng ở đây là một linh hồn nhạy cảm, bơ vơ đang tìm chỗ tựa nương. Buồn thay, linh hồn ấy lại “nhập” vào cung đàn “lạnh”. Từ “nhập” và “lạnh” gợi một cảm giác rợn rợn trong người đọc. Bản thân ánh trăng đã tạo một cảm giác lạnh lạnh nay lại thêm tiếng đàn lạnh, hai thứ đi với nhau gây nên cái lạnh lẽo cô đơn trong hồn người, cái lạnh lẽo cô đơn toát lên từ cả câu thơ.

Hai câu tiếp theo nhịp nhàng như tiếng đàn du dương, xa vắng trầm lắng:

Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngân

Đàn buồn, đàn lạnh, ôi đàn chậm.

Cái giai điệu lặp đi lặp lại ấy dễ gây cho người ta cảm xúc buồn. Nếu như ở câu thơ trên, từ “ngân” đặt ở cuối như là tiếng đàn trải dài, trầm vọng, thì ở câu dưới với từ “chậm” (thanh nặng) đặt ở cuối, tiếp theo từ “lạnh” (thanh nặng) và từ “buồn” (thanh huyền), tiếng đàn như nghẹn lại, như buồn thảm hơn. Những điệp khúc ấy cứ xoáy sâu vào ta, da diết lạ. Tiếng đàn là sự đồng vọng của “tiếng hồn” tới vàng trăng, cái vàng trăng vẫn có tự muôn đời: trăng của quá khứ, trăng của thực tại, trăng của những áng thơ... Tiếng đàn “buồn”, “lặng”, “chậm” cứ khắc khoải và sầu nào làm sao, để rồi:

Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Chính tâm hồn tinh tế của thi nhân đã “kết” tiếng đàn kia thành giọt, “giọt đàn” sao nghe nặng nề và rã rời đến vậy, buồn bã đến vậy, tựa như những giọt lệ trong suốt đang rơi và tan ra. Cái “phi lí tính” ấy ta bắt gặp rất nhiều trong thơ Xuân Diệu, là thế mạnh của thơ Xuân Diệu. Tất nhiên, nếu hiểu theo logic hình thức thì rõ ràng là vô lí nhưng thực ra nó xuất phát từ cảm xúc thơ, nó phục vụ cho chủ đề bài thơ, có tăng sức gợi cảm cho bài thơ. Phải phục ngòi bút Xuân Diệu tả cái buồn thì tuyệt vời mà tả cái trong cũng rất nghệ thuật. Buồn đây mà không hề tối tăm, u ám.

Nỗi buồn lan tỏa trong không gian thanh sáng quá thành ra như không có gì lấp vào được, không vui đi mà cứ tăng lên. Không có con người, không có một làn gió buồn, không có âm thanh nào ngoài tiếng đàn, càng không lần đầu ra bóng dáng và hơi ấm của cuộc sống con người. Ngược lên cao, bầu trời trong vắt, đối diện với tâm hồn. Mây không phải không có mà đi vắng, nghĩa là mọi đêm vẫn có mây nhưng đêm nay không có, sự hẫng hụt như tăng lên. Không gian trong đến choáng ngợp. Hình như giữa âm thanh và ánh sáng có sự tương đồng hòa điệu. Chính tiếng đàn thánh thót mà trầm lắng, chậm rãi làm cho ánh trăng kia rung lên hay chính tiếng đàn run lên trong cái không gian quá rộng, quá trong? Hai vần “ung”, “inh” được đặt trong cùng một câu, một ở đầu câu, một ở cuối câu để gây cho người ta cái cảm giác “rung rinh” ấy.

“Bỗng rung rinh” chuẩn bị cho tứ thơ dưới:

Vì nghe nương tử trong câu hát

Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Ra đây là nguyên nhân của tiếng đàn buồn, ra là thi nhân vẫn đang hướng tới con người. Nghe tiếng đàn “roi”, trong ánh trăng, Xuân Diệu nghĩ tới những kiếp người bạc mệnh. Số phận của họ có phải như tiếng đàn kia vang lên mong manh, lẻ loi rồi tan vào trong vũ trụ như đời họ sớm mất đi để tan vào quên lãng. Khi hạ bút viết từ “xanh” không biết thi nhân có thấy nhói trong tim mình. Nước “xanh” chứ không phải một dòng nước trong treo, dịu êm; nước xanh là dòng nước vẫn còn mang cái vẻ hoang dại và vô tình của tạo hóa. Ấy lại là nơi đón những linh hồn còn màu xanh của sức sống của tuổi trẻ. Cái sự thật phũ phàng ấy đã bao lần văn học trung đại nói tới. Và giờ đến Xuân Diệu, phải chăng chính điều đó đã giữ Xuân Diệu lại với tâm hồn Việt Nam, bởi lẽ, trong thơ Xuân Diệu in dấu chủ nghĩa nhân văn dân tộc.

Nghĩ thế tưởng dễ làm cho người đọc tìm thấy chút gì âm áp nhưng tiếng đàn buồn và ánh trăng lại lẩn át mất, nghĩa là không gian kia vẫn ám ảnh và đập vào giác quan nhà thơ, cảm giác lạnh cứ tăng lên:

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời;

Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi.

Bài thơ có đến ba từ “lạnh”. Nhưng phải đến từ “lạnh” thứ ba này, đặt độc lập trong câu, mới thấy cái lạnh toát ra mạnh mẽ nhất, đến người cũng cảm thấy hơi lạnh bốc lên từ câu thơ, cái lạnh lọc trong ánh trăng, cái lạnh rùng mình như dúng vào nước lạnh. Cái rùng ấy đã được diễn tả bằng nhịp ngắt từ “lạnh” được tách riêng thành một nhịp. Giọt “lệ đàn” giờ đã hóa thành nước, dòng nước tê lạnh cứ ngấm dần vào tim người ta... Tiếng “trời ơi” vang lên như tiếng kêu thảng thốt của một tâm hồn mềm yếu trước cái lạnh dễ sợ ấy, cái rùng mình của một thân phận cô đơn giữa một thế giới tưởng như bao la, thế giới thiếu vắng con người, thế giới lạnh lẽo với đầy kí ức buồn thương. Phải chăng đó là cái xã hội mà nhà thơ đang sống?

Hai câu tiếp khơi sâu vào nội tâm tác giả:

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:

Trăng nhớ Tâm Dương, nhạc nhớ người...

Trăng và nhạc cũng là tâm hồn nhà thơ. Nhà thơ trở lại với bến Tâm Dương dạo nào trong trang thơ của thi sĩ họ Bạch tài hoa với tiếng đàn sầu thương của người kỹ nữ. Tiếng đàn cất lên từ mối hận đời, hận cái xã hội đầy bất công, ngang trái. “Cùng một lúa bên trời lặn đặng”, tiếng đàn và vần thơ là sự gặp gỡ giữa hai người tài hoa bạc phận, hai tâm hồn nghệ sĩ đang bế tắc trước cuộc đời. Dù nhà thơ có tìm được người bạn trong tâm tưởng nhưng sự cách biệt thế giới, cách biệt thời gian càng làm cho thi nhân cảm thấy buồn hơn, cô độc hơn:

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê;

Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...

Câu thơ như vút cao lên. “Ánh nhạc” – ánh sáng trong như tiếng nhạc hay như tiếng đàn đang lấp lánh sáng? Không gian tràn ngập ánh trăng, tràn ngập tiếng đàn, không gian trở nên trong suốt và ánh lên như một “biển pha lê”. Nhưng từ này giờ, cả ánh trăng và tiếng đàn chỉ gây trong lòng nhà thơ cảm giác ón lạnh và mặc cảm thù hận, vậy thì cái biển pha lê kia cũng chỉ là một bề sâu vô định mênh mông choáng ngợp mà trên đó chỉ có một linh hồn – chiếc đảo – cũng đang bơ vơ và cũng... vô định. Hai từ “bốn bề”, đặt ở đầu câu thứ nhất và lặp lại cuối câu thứ hai của khổ thơ, vừa đóng khung cuộc đời con người lúc đó, con người thật nhỏ bé, khó xác định cho mình một chân trời mà cứ bị ngợp dần, lấp dần. Như trong thơ Huy Cận:

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;

Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cầu gọi chút niềm thân mật

(Tràng giang)

Mặc cảm cô đơn, bế tắc luôn ám ảnh trong các nhà thơ mới. Nhưng đó cũng là sự thật cuộc đời. hình ảnh “Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề” là nỗi lòng tự bạch của cả một tầng lớp thanh niên lúc bấy giờ. Tiếng “rợn” như một cái rùng mình trước sự thật ấy. Thế nhưng dường như họ vẫn thích cái cảm giác cô đơn kia. Xuân Diệu khi viết:

Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất

Không có chi bè bạn nối cùng ta.

(Hi Mã Lạp Sơn)

hẳn có một niềm kiêu hãnh. Nhưng sự kiêu hãnh kia chỉ che đậy tạm thời cho một tâm hồn cô đơn, yếu ớt, sợ cả sự tự bắt gặp mình (“Chớ để riêng em phải gặp lòng anh” – *Lời kỹ nữ*). Có lẽ vậy mà:

Sương bạc làm tỉnh, khuya nín thở

Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Giờ chỉ còn lại tiếng đàn sầu não với một tâm hồn bơ vơ. Không gian nín lặng vì xúc động. Nỗi buồn tràn ngập, lan tỏa, lắng sâu vào tâm hồn người đọc. Tiếng đàn ngân mãi, vọng vào cái không gian xa kia làm nó thêm vời vợi mà con người thì cứ nhỏ đi, chìm đi mãi.

Thế giới không có mặt trời ấy sao mà hoang vắng quá. Chỉ có những sợi ánh sáng, những giọt âm thanh lấp lánh trên trang thơ, cái tài của Xuân Diệu là ở đó. Cái hồn của Xuân Diệu cũng là ở đó. Vẫn biết thoát li đấu tranh xã hội là không đúng, nhưng thi nhân không trốn vào hưởng lạc, suy đồi mà hướng tới vẻ đẹp thanh cao, trong sáng của thiên nhiên, của nghệ thuật, của tiếng mẹ. Bởi vậy, hôm nay khi “Những đảo cô đơn Đàng nói nhịp cầu” (Lệ – Xuân Diệu), ta vẫn tìm thấy ở *Nguyệt cầm* những vẻ đẹp cần có để tâm hồn thêm trong sạch và phong phú hơn” (Thạch Lam).

Nghiêm Xuân Huy – Lớp 11 chuyên Văn

Trường PTTH Công nghiệp Hà Đông